

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 412/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lại Thị Đắc

2. Ông Đoàn Văn Rỹ.

Hội thẩm dự khuyết: 1. Ông Hoàng Minh Đang

2. Bà Nguyễn Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2020 về việc: “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/5 /2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Duy T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 50, đường DT 717 xóm 11, thôn 2, xã B, huyện T, tỉnh S.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Chí V, sinh năm 1994.

Địa chỉ thường trú: Ấp 9A, xã T, huyện A, tỉnh K.

Địa chỉ tạm trú: 2869/7 P, Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 25/02/2020, bản tự khai ngày 15/6/2020, các biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 21/9/2020, ngày 24/3/2021, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ bà Võ Thị Duy T trình bày:

Bà T và ông Lê Chí V tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh S. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc. Đến năm 2016, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông V thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, vay tiền người khác để cờ bạc. Ông V sống vì bản thân mà không nghĩ đến việc chăm lo gia đình và con cái. Dù đã nhiều lần khuyên can nhưng ông V vẫn không có tâm ý sửa đổi để làm lại từ đầu. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay, bà T thấy rằng mâu thuẫn của hai vợ chồng đã ngày càng nhiều, tình cảm không còn để có thể hàn gắn, kéo dài làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và con cái. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày: 16/4/2016. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có.

Về nợ chung: Bà T tự khai vợ chồng không thiếu nợ gì của ai.

Bị đơn: Ông Lê Chí V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không thu được lời khai và không hoà giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 - Bà Ngô Thị Kim Sinh phát biểu: Thẩm phán chưa đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn. Con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày: 16/4/2016. Sau khi ly hôn giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Chí V cho đến khi bà T có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: không có. Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn bà T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Võ Thị Duy T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với ông Lê Chí V nên đây là tranh chấp hôn nhân gia đình, do bị đơn có nơi cư trú tại Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập ông Lê Chí V nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông V đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông V đều vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ngày 20/4/2021 bà Võ Thị Duy T có Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa bà và ông Lê Chí V. Do bà T bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả nhưng người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Võ Thị Duy T và ông Lê Chí V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 51/2015, quyển số 01/2015 ngày 30/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh S, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà T yêu cầu được ly hôn là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết vì phù hợp với khoản 1 Điều 51 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tại đơn khởi kiện ngày 25/2/2020 và bản tự khai ngày 15/6/2020, bà T yêu cầu được ly hôn với ông V. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn gia đình phát sinh là do ông V không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo cho gia đình. Dù bà T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông V vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, hòa giải được. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông V đến Tòa hòa giải nhưng ông V vẫn cố tình không đến Tòa để hòa giải, chứng tỏ ông V không còn tha thiết muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà T, vì vậy yêu cầu của bà T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về con chung: Bà Võ Thị Duy T và ông Lê Chí V có một con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày: 16/4/2016 hiện do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo lợi ích, điều kiện sống, sinh hoạt ổn định, xét việc yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Q, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con không trái pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ cần chấp nhận.

Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, hoặc những người theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét về tài sản chung: Bà T tự khai tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà T tự khai xác nhận không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí ngày và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Ông Lê Chí V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 171, 172, 173, 174, 177, 179, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên xử vắng mặt đối với bị đơn ông Lê Chí V.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Duy T ly hôn ông Lê Chí V.

Về con chung: Bà Võ Thị Duy T và ông Lê Chí V có một con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày: 16/4/2016. Giao trẻ Lê Ngọc Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Chí V cho đến khi bà T có yêu cầu.

Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, hoặc những người theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T tự khai tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: Bà T tự khai xác định không thiếu nợ ai nên tòa không xem xét.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng bà Võ Thị Duy T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0044001 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà T đã nộp đủ án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THA DS Q8;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thúy Minh